

Số: /BC-UBND

Bản Thi, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2024

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính (CCHC), Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bản Thi báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 với các nội dung cụ thể như sau (số liệu tính từ ngày 01/12/2023 ước thực hiện đến ngày 20/11/2024):

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về xây dựng, triển khai kế hoạch CCHC

- Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC.

Cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã, cụ thể: Ban hành 13 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện CCHC năm 2024 gồm Nghị quyết (của Đảng ủy xã về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2024), Quyết định, các kế hoạch, công văn; tổ chức quán triệt, phổ biến các nội dung văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác CCHC tại các cuộc họp cơ quan, họp giao ban; tổ chức tuyên truyền công tác CCHC và chuyển đổi số tại 08 thôn theo quý (04 cuộc); viết 12 tin bài về CCHC trên Trang thông tin điện tử xã (tại các mục “Hoạt động của HĐND-UBND”, mục “tuyên truyền về chuyển đổi số”).

Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền xã đã tổ chức 02 cuộc đối thoại (01 cuộc với thanh niên; 01 cuộc với nhân dân có lòng ghép thực hiện tuyên truyền công tác CCHC và đối thoại về thủ tục hành chính). Công chức phụ trách công tác CCHC của đơn vị tham gia tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC do tỉnh tổ chức.

- Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm của đơn vị.

UBND xã đã ban hành kế hoạch thực hiện CCHC năm 2024 (Quyết định số 20/KH-UBND ngày 30/01/2024), kế hoạch đã đề ra 41 nhiệm vụ cụ thể/7 nội dung CCHC năm, qua rà soát đơn vị đạt **100% (41/41 nhiệm vụ, có biểu thống kê kết quả thực hiện các nhiệm vụ)**.

- Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC (nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện).

+) Thực hiện lồng ghép quán triệt, phổ biến văn bản và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC tại hội nghị giao ban Đảng-chính quyền theo tháng, sau cuộc họp có thông báo kết luận chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ liên quan công tác CCHC.

+) Chuyên tiếp văn bản, tài liệu về CCHC qua hồ sơ công việc cho cán bộ, công chức xã cùng biết nội dung và tham mưu thực hiện.

+) Duy trì thực hiện phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở đến 04/08 thôn, nội dung tuyên truyền về CCHC được cấp theo nội dung công văn số 357/VP-NCPC ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tuyên truyền các nội dung về cải cách thủ tục hành chính trên hệ thống truyền thanh cơ sở. Theo đó Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng và sản xuất 12 chuyên mục về cải cách thủ tục hành chính và đã được sao lưu vào 09 đĩa CD gửi cho các đơn vị, trên cơ sở đó, UBND xã đã giao nhiệm vụ cho người làm công tác truyền thanh xã, qua tổng hợp kết quả, người làm công tác truyền thanh xã thực hiện phát vào chiều các ngày hành chính thứ 3, thứ 5 hàng tuần, đã phát được 12 lượt trên hệ thống loa truyền thanh.

+) Thực hiện tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của xã: Thực hiện xây dựng được 12 tin bài phản ánh về việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã tại địa chỉ (<http://banthi.chodon.backan.gov.vn>, tại các mục “Hoạt động HĐND-UBND; tuyên truyền chuyển đổi số”).

+) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền trực tiếp tại 08 thôn (theo quý) lồng ghép theo kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật của UBND xã.

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao.

Đơn vị triển khai và thực hiện kịp thời 100% các nhiệm vụ của tỉnh, huyện chỉ đạo về công tác CCHC, cụ thể: Tỷ lệ thực hiện đạt 100% (12/12 nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao); thực hiện đạt 100% (9/9 nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao).

- Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị (*tổng hợp từng nội dung, nêu rõ tính mới, tính sáng tạo và tính hiệu quả trong triển khai*).

Trong năm 2024, đơn vị không có mô hình, sáng kiến.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế:

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).

+) Năm 2024, đơn vị không ban hành văn bản QPPL.

+) Đối với các văn bản QPPL của các cấp, đơn vị chủ yếu tiếp nhận qua hồ sơ công việc, đã thực hiện chuyển tiếp đến cán bộ, công chức, phô tô văn bản gửi các thôn (có liên quan) cùng biết và thực hiện, đảm bảo 100% văn bản được triển khai thực hiện kịp thời đúng quy định. Thực hiện niêm yết các văn bản QPPL của tỉnh, huyện có nội dung liên quan, trọng tâm tại bảng niêm yết của đơn vị.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật (THPL).

UBND xã duy trì thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để người dân cùng nâng cao nhận thức kiến thức pháp luật, chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 (kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 06/02/2024).

Công chức Tư pháp hộ tịch duy trì thực hiện các hoạt động theo dõi THPL trên địa bàn xã cụ thể:

+) Xây dựng báo cáo tình hình theo dõi THPL trên địa bàn định kỳ theo quy định đảm bảo nội dung và thời gian.

+) UBND xã phối hợp với Công an xã theo dõi các đối tượng chấp hành án treo, sau án theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; Trong năm, UBND xã đã thực hiện làm việc với đoàn kiểm tra cấp huyện về kiểm sát thi hành án hình sự tại địa bàn xã.

+) Thu thập thông tin về tình hình TDTHPL: Tham gia phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện thu thập thông tin về tình hình TDTHPL trên địa bàn xã.

+) Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: Tham gia phối hợp với các đơn vị các đoàn kiểm tra các cấp về kiểm tra tình hình thi hành PL trên địa bàn xã.

+) Thực hiện điền phiếu khảo sát về mức sinh đối với CBCCVC theo văn bản số 2250/UBND-VP ngày 07/8/2024 của UBND huyện, với 100% CBCC xã tham gia điền phiếu khảo sát trên phần mềm; tham gia khảo sát tình hình thi hành pháp luật về phòng chống tham nhũng theo văn bản số 453/TTrT-VP ngày 31/7/2024 của Thanh tra tỉnh, có 02 CBCC xã tham gia theo số lượng phiếu yêu cầu.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

UBND xã đã phối hợp với các cơ quan chức năng, các ngành chuyên môn tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại 08 thôn theo quý, được 14 buổi với 786 lượt người nghe. Các nội dung tuyên truyền chủ yếu tập trung vào các văn bản pháp luật cụ thể như: Luật Lâm nghiệp, Luật Hộ tịch, Luật Nghĩa vụ quân sự, Nghị quyết 76 của Chính phủ về chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; thông báo danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND xã, Công tác chuyển đổi số,...

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL (*số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL*).

Trong năm 2024, qua rà soát và tự kiểm tra, đơn vị không có văn bản QPPL ban hành, đơn vị đã tự rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL giai đoạn 2019-2024; kết quả qua rà soát, đơn vị không phát sinh sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản QPPL, không có văn bản QPPL hết hiệu lực để thực hiện công bố. Không phát sinh việc xử lý văn bản QPPL do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (*số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa*).

+) UBND xã được UBND tỉnh phê duyệt 01 phương án đơn giản hóa đối với 01 TTHC thuộc lĩnh vực tôn giáo.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị: Căn cứ Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Cấp xã có tổng số **114 thủ tục hành chính** thuộc thẩm quyền giải quyết; có 75 dịch vụ công trực tuyến (trong đó: 62 DVCTT toàn trình, 13 DVCTT một phần).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+) Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (*cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, cơ chế phối hợp*).

UBND xã bố trí phòng cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (*Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 31/10/2018*); diện tích 36m², trang bị cơ sở vật chất cơ bản cho Bộ phận một cửa (máy tính, máy photocopy, giá tài liệu,...); trang bị 01 bộ máy tính + máy scan phục vụ hoạt động của bộ phận một cửa với tổng trị giá 28.800.000 đồng. UBND xã chỉ đạo và phân công 04 công chức chuyên môn duy trì trực thường xuyên, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho công dân; niêm yết lịch trực công chức làm việc tại bộ phận một cửa; phối hợp với các ngành, đoàn thể các thôn trong thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính cho công dân. Thực hiện niêm yết công khai 100% danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã tại Bộ phận một cửa để cá nhân, tổ chức tra cứu (bằng mã QR code); thực hiện đưa 100% TTHC thuộc ngành dọc ra thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa; niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị theo quy định.

+) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ đã số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận 168/196 hồ sơ, đạt 85,71%.

Số hồ sơ có số hóa kết quả giải quyết TTHC 119/196 hồ sơ, đạt 60,71%.

+) Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị:

+) Tổng số hồ sơ TTHC đã **tiếp nhận 196 hồ sơ** (trong đó có 161 hồ sơ trả kết quả sớm hạn, 35 hồ sơ trả kết quả đúng hạn).

+) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

UBND xã thực hiện niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của công dân về thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa. Qua tổng hợp,

trong năm 2024, đơn vị không phát sinh kiến nghị, phản ánh liên quan đến TTTC và không phát sinh việc xử lý kiến nghị, phản ánh.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTTC: Mức xếp loại chung đạt Trung bình.

- Thực hiện chứng thực điện tử: Qua rà soát, tỷ lệ hồ sơ được chứng thực điện tử là **63/981 hồ sơ** đạt 6,42% (*không đạt ý lệ giao 30% theo KH số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị:

UBND xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, cụ thể gồm Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trên cơ sở đó, ban hành quy chế làm việc của đơn vị nhiệm kỳ 2021-2026 (Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND xã).

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

+) Đơn vị đảm bảo số lượng công chức theo quy định theo loại xã, cụ thể xã Bản Thi thuộc đơn vị hành chính xã loại II, tổng số biên chế được giao 20 người, số biên chế có mặt 19 người (trong đó 09 công chức chuyên môn/06 chức danh theo quy định), đơn vị bố trí Công chức phù hợp với trình độ chuyên môn theo chức danh đảm nhiệm; tỷ lệ 100% công chức đạt chuẩn trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên.

+) Thực hiện phổ biến Kế hoạch số 525/KH-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ đến cán bộ, công chức xã (chuyển tiếp văn bản qua hồ sơ công việc, mail công vụ); thực hiện rà soát đối tượng tinh giản biên chế, năm 2024 đơn vị đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, qua rà soát, đơn vị không có cá nhân thuộc đối tượng tinh giản biên chế.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả bố trí sắp xếp vị trí việc làm công chức:

Qua rà soát, 100% (19/19 người) cán bộ công chức xã đạt chuẩn về chuyên môn theo quy định (từ Trung cấp trở lên), trong đó trình độ đại học chiếm 89,47%.

Các công chức chuyên môn (09 người) được tuyển dụng và bố trí việc làm theo chức danh đã tuyển dụng, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, tại cơ quan, đơn vị: UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện kỷ luật, kỷ

cương hành chính. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan. Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại đơn vị.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch giao: Thu ngân sách hiện đạt 117,33% (114.984.119đồng/99.000.000 đồng)

+ Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: 882.738.997đ/1.025.997.000đ đạt 86.03%.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Không có.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Duy trì thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo quy định; có ban hành quy chế quản lý tài sản công của đơn vị (quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của UBND xã) để các bộ phận sử dụng tài sản công có trách nhiệm sử dụng, quản lý tài sản chung hiệu quả. Năm 2024, đơn vị không phát hiện các vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan):

Trong năm 2024, UBND xã duy trì tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ tài chính theo quy định.

UBND xã đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/1/2024 các khoản chi được khoán chi tiết rõ ràng cụ thể để đảm bảo sử dụng các nguồn kinh phí hợp lý, tiết kiệm.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương:

UBND xã ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, đã kiện toàn Ban chỉ đạo CDS xã (Quyết định 167/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND xã); ban hành kế hoạch thực hiện hoạt động chuyển đổi số năm 2024 (Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 26/02/2024); duy trì họp ban chỉ đạo chuyển đổi số lồng ghép trong các cuộc họp của cơ quan để triển khai công tác chuyển đổi số; triển khai kế hoạch phát động phong trào thi đua “Bắc Kạn đẩy mạnh chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025” trên địa bàn xã; triển khai bồi dưỡng CDS cho CBCC, thành viên Tổ công nghệ số tham gia khóa học đại trà trên nền tảng MOOCs.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

+ Sử dụng mạng LAN; nâng cấp mạng wifi phục vụ hoạt động của cơ quan; 100% (19/19 cán bộ công chức xã) có máy tính, máy in, có kết nối mạng phục vụ công việc; 100% máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus Bkav; 100% cán bộ công chức xã được cấp tài khoản và truy cập thường xuyên hồ sơ công việc, mail công vụ để gửi, nhận tài liệu, xử lý văn bản phục vụ công việc.

+ Duy trì quản lý, sử dụng và viết tin bài phản ánh các hoạt động của cấp ủy, chính quyền và các ngành, đoàn thể xã trên trang thông tin điện tử của xã (tại địa chỉ: banthi.chodon.gov.vn). Trang thông tin điện tử của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định, đã ban hành quy chế hoạt động, duy trì hoạt động ban biên tập trang thông tin điện tử cấp xã, trang thông tin điện tử cấp xã đảm bảo theo quy định.

+ Duy trì sử dụng chứng thư số chuyên dùng theo quy định, đảm bảo 100% chứng thư số chuyên dùng (của tổ chức, cá nhân lãnh đạo, kế toán đơn vị) thường xuyên sử dụng phục vụ xử lý văn bản, hồ sơ công việc và giao dịch với các ngành như Kho bạc, Bảo hiểm xã hội, Thuế. Bên cạnh đó, trong năm UBND xã đã đề nghị cấp bổ sung chứng thư số cho các công chức chuyên môn được phân công trực bộ phận một cửa để phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Duy trì khai thác, sử dụng các hệ thống như một cửa điện tử, hồ sơ công việc, mail công vụ,... Hướng dẫn cán bộ, công chức, nhân dân cài đặt ứng dụng chính quyền điện tử tỉnh qua ứng dụng zalo trên điện thoại di động, 100% cán bộ, công chức xã cài đặt ứng dụng VneID trên điện thoại, sử dụng tài khoản trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến giải quyết TTHC.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Duy trì thực hiện số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC để góp phần phát triển cơ sở dữ liệu liên thông đến các cấp. Công chức chuyên môn duy trì cập nhật hồ sơ TTHC trên phần mềm một cửa điện tử của đơn vị.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Đơn vị duy trì thực hiện chế độ báo cáo tại hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh đảm bảo thời gian, nội dung theo định kỳ quý trong năm 2024.

+ 100% cán bộ công chức xã sử dụng hiệu quả hồ sơ công việc, mail công vụ,... Qua rà soát, đơn vị đã ban hành văn bản đi đảm bảo được thực hiện đủ quy trình trên phần mềm QLVB là **1101 văn bản**/1101 văn bản, đạt 100%, từ dự thảo, trình lãnh đạo ký số, được ký số của cơ quan và phát hành trên môi trường mạng HSCV của đơn vị.

+ Chỉ đạo thực hiện các nội dung chương trình chuyển đổi số: Tổ chức quán triệt các văn bản tại các cuộc họp, hội nghị; trong đó có hướng dẫn tạo tài khoản và nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công cấp tỉnh; Ban hành kế hoạch thực hiện, đăng ký các nội dung chuyển đổi số, cử cán bộ công chức, đại diện Tổ công nghệ số cấp xã, cấp thôn tham gia tập huấn theo kế

hoạch; thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số lồng ghép trong ngày hội đại đoàn kết tại **08/08 thôn** với hơn **480 lượt người nghe**.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+) Duy trì hoạt động bộ phận một cửa hướng dẫn công dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC; công chức chuyên môn và lãnh đạo UBND duy trì truy cập tài khoản để xử lý hồ sơ TTHC trên phần mềm một cửa điện tử.

+) Tổng số hồ sơ TTHC đã **tiếp nhận 196 hồ sơ** (trong đó có 161 hồ sơ trả kết quả sớm hạn, 35 hồ sơ trả kết quả đúng hạn).

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Đạt 91% (192/211TTHC).

Căn cứ Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Cấp xã có 114 TTHC, 75 dịch vụ công trực tuyến (*trong đó: 62 DVCTT toàn trình, 13 DVCTT một phần*). Qua rà soát trên cổng dịch vụ công của tỉnh:

+) Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 62,5% (05/08 TTHC).

+) Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến: 61 hồ sơ/196 hồ sơ (đạt 31,12%)

+) Tỷ lệ thanh toán trực tuyến: Có 01 TTHC phát sinh giao dịch, số hồ sơ thanh toán trực tuyến (10 hồ sơ/981 hồ sơ, đạt 1,01%, (*Không đạt tỷ lệ giao 50% theo KH số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh*)).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác CCHC năm 2024 đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã; UBND xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời các nội dung CCHC năm 2024, có giao nhiệm vụ cụ thể tham mưu theo từng tiêu chí cho từng ban ngành và cả Lãnh đạo UBND xã. Các ban ngành cũng đã chủ động tham mưu nội dung được phụ trách; thực hiện lồng ghép việc tuyên truyền về CCHC và chuyển đổi số năm 2024; chỉ đạo phân công công chức chuyên môn duy trì trực, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng thời hạn cho công dân tại Bộ phận một cửa; mua sắm thiết bị máy tính phục vụ hoạt động bộ phận một cửa.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Một bộ phận nhân dân vẫn quen với tâm lý giải quyết TTHC theo cách trực tiếp, tuy đã được tuyên truyền, phổ biến về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, song xét trên điều kiện thực tế của địa phương, một số thôn vẫn chưa được phủ sóng tốt mạng di động (sóng yếu), tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ở các thôn còn hạn chế,... Do vậy, việc thực hiện sử dụng DVCTT trong nộp hồ sơ của người dân còn hạn chế, phát sinh số lượng ít.

- Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến còn hạn chế, qua rà soát thực tế, một số TTHC không có phát sinh hồ sơ, do vậy không phát sinh hồ sơ DVCTT.

- Phần mềm một cửa điện tử đôi lúc hoạt động còn gián đoạn (có lúc không thể truy cập), khó khăn trong cập nhật hồ sơ của công chức chuyên môn phải chờ thời gian phản hồi từ hệ thống.

- Tổ công nghệ số của các thôn đã được thành lập, song chưa thực sự hoạt động hiệu quả trong công tác hướng dẫn người dân tạo tài khoản dịch vụ công quốc gia và sử dụng tài khoản trong giải quyết TTHC.

- Trang thiết bị (bàn, ghế làm việc) của Công chức tại Bộ phận một cửa chưa được đầu tư đồng bộ. Do đơn vị chưa bố trí được nguồn ngân sách thực hiện.

- Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử phát sinh còn rất hạn chế, một phần do nhu cầu của các cơ quan, đơn vị chưa có nhu cầu sử dụng kết quả chứng thực điện tử; yêu cầu lấy bản giấy để nộp hồ sơ quyết toán chứng từ chế độ, chính sách, bên cạnh đó, hồ sơ xin việc của các doanh nghiệp cũng cần bản giấy chứng thực của công dân.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến phát sinh còn rất hạn chế, do một số công dân chưa có tài khoản ngân hàng, một số có tài khoản nhưng không có số dư trong tài khoản để thực hiện giao dịch.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2025.

1. UBND xã phối hợp cấp ủy Đảng, các đoàn thể tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung CCHC của các cấp đến toàn thể cán bộ, công chức, đảng viên, nhân dân tại địa phương.

2. UBND xây dựng, triển khai kịp thời kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ CCHC trọng tâm năm 2025 đảm bảo tính khả thi, theo quy định; chỉ đạo công chức duy trì trực bộ phận một cửa, thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công dân theo quy định; xây dựng báo cáo định kỳ CCHC (quý, 6 tháng, năm) đảm bảo nội dung, thời gian; duy trì thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trên phần mềm trong giải quyết TTHC cho công dân.

3. Duy trì thực hiện niêm yết, công khai danh mục TTHC được cấp có thẩm quyền ban hành; thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết dứt điểm đơn thư phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan đến TTHC.

4. UBND cử cán bộ, công chức thực hiện tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn theo kế hoạch các cấp tổ chức.

5. Thực hiện tự kiểm tra công tác CCHC tại đơn vị.

6. Hướng dẫn, đôn đốc các ngành xây dựng sáng kiến, giải pháp trong CCHC và các lĩnh vực khác.

7. Tuyên truyền công dân sử dụng DVCTT, chứng thực bản sao điện tử và thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC.

8. Thực hiện chấm điểm chỉ số CCHC năm 2025 theo kế hoạch.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của UBND xã Bản Thi./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Phòng Nội vụ huyện; (B/c)
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- CBCC xã;
- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Khổng Thanh Tiềm

Phụ lục II

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2024 của UBND xã Bản Thi)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	13	Kế hoạch, công văn, Quyết định, báo cáo
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	41	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	41	
1.3	Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC (Quyết định giao nhiệm vụ CCHC đầu năm)			
	Ban hành Quyết định giao nhiệm vụ CCHC	Quyết định	01	
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	21	
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ	11	
	UBND huyện	Nhiệm vụ	10	
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	21	
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ	11	
	UBND huyện	Nhiệm vụ	10	
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ	0	
	UBND huyện	Nhiệm vụ	0	
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ	0	
	UBND huyện	Nhiệm vụ	0	
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		0	
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp	0	
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không	Có	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) <i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Văn bản	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	01	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	01	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	114	
	<i>Số TTHC cấp xã</i>	Thủ tục	114	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục	3	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	196	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	196	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	196	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	196	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	Trong năm, đơn vị không phát sinh kiến nghị, phản ánh
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về cán bộ	Người	10	
4.1.1	Tổng số cán bộ có mặt	Người	10	
4.1.2	Số cán bộ đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.2	Số liệu về biên chế công chức	Người	9	
4.2.1	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	9	
4.2.2	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.2	Tổng số người làm việc không chuyên trách	Người	37	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	37	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Vị trí việc làm của cán bộ, công chức		Phù hợp	Phù hợp với chức danh đảm nhiệm

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.2	Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100%	9 người
5.2	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua bầu cử, phê chuẩn (lũy kế từ đầu năm)		0	
5.2.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.2	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		Cấp huyện báo cáo
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100%	1101/1101 văn bản đi
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0%	0 văn bản
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	15,84%	64/404TTHC
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	64	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	64	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	5	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	52,23%	211/404 TTHC
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	211	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức toàn trình	Thủ tục	211	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	6	
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%	100%	
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	75	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	75	
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	30,01%	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)	Hồ sơ	653	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	196	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	53,33%	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	15	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	8	